

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 04/02/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÀ BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hoàng và Bà Hoàng Thị Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông – Kiểm sát viên

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 217/2020 / TLST - HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc “ Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S - sinh năm 1975. Có mặt.

HKTT: ĐC, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T - sinh năm 1975. Vắng mặt

HKTT: ĐC, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020; Trả lời thông báo thụ lý vụ án; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai ; Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh với chị Bùi Thị T tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh N (cũ) nay là thị trấn BHD, huyện KB

(cũ) nay là huyện LT, tỉnh HB vào ngày 03/6/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn ĐC, xã TS, huyện LS, tỉnh HB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm ,lối sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị sống cùng nhà nhưng ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm đến nhau, anh không còn thương yêu chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/10/1995 và Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 02/6/2001. Hiện nay cháu Đ và cháu Ng trên 18 tuổi, có công việc ổn định, anh không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa cho chị T như: Thông báo thụ lý vụ án số 217/TB TL- TA, giấy triệu tập đương sự số 4198/GTT - TA ngày 03/11/2020 và 4460/GTT - TA ngày 18/11/2020; Thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 217/TB - TA ngày 03/12/2020 và thông báo hòa giải lần hai số 217B/TB - TA ngày 18/12/2020, Quyết định xét xử số 02/2021 nhưng không tổng đạt được vì chị T là lao động tự do thường xuyên không có nhà. Do đó không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được các văn bản của Tòa và niêm yết công khai các văn bản này theo quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Biên bản xác minh ngày 30/10/2020 và ngày 05/01/2021 tại đại diện xóm ĐC; Biên bản xác minh ngày 30/10/2020 tại Công an xã TS và Biên bản lấy lời khai của gia đình nhà anh S và chị T đều xác nhận anh Nguyễn Thanh S và chị Bùi Thị T có đăng ký kết hôn, cùng trú tại thôn ĐC, xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng anh S, chị T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống nên thường xuyên cãi chửi, anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh S có đơn xin ly hôn với chị T, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải ngày 18/12/2020, phiên hòa giải lần hai ngày 04/01/2021, tại phiên tòa ngày 20/01/2021 cũng như tại phiên tòa lần hai ngày 04/02/2021, như vậy bị đơn chị Bùi Thị T đã từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS,

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S:

- + Xử cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Bùi Thị T.
- + Con chung; trên 18 tuổi không đề nghị Tòa giải quyết.
- + Tài sản chung: tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa giải quyết.
- + Công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa giải quyết
- + Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Bùi Thị T là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, chị Bùi Thị T cư trú tại xóm ĐC, xã TS, huyện LS, tỉnh HB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của chị Bùi Thị T, tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T vắng mặt nên không tiến

hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thắng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Bùi Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN (cũ) nay là thị trấn BHD, huyện KB (cũ) nay là huyện LT, tỉnh HB ngày 03/6/1995 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh Sơn trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống vợ chồng sống cùng nhà nhưng ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh Sơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị T. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị Bùi Thị T biết được anh Nguyễn Thanh S làm đơn xin ly hôn chị. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản của Tòa cho chị theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T không đến Tòa làm việc.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh S và chị T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không còn tồn tại. Mặt khác chị T biết anh S nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình, điều này chứng tỏ chị T cũng không mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Bùi Thị T, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh S, chị T có hai con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/10/1995 và Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 02/6/2001. Hiện nay cháu Đ và cháu Ng trên 18 tuổi, có công việc ổn định, anh không đề nghị giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh Nguyễn Thanh S phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Bùi Thị T.

2. Anh Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002658 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKS. Tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

